

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGÂN SƠN
TỈNH BẮC KẠN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **02/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 14-3-2024

*V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con chung khi ly hôn*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÂN SƠN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Út Lê

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Huyền

Bà Trần Thị Huế

- Thư ký phiên tòa: Bà La Quỳnh Anh - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Tô Thị Tám - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 56/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bàn Thị T**, sinh năm 1986 - Địa chỉ: **Thôn K, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn**. Có mặt.

- Bị đơn: Anh **Bàn Văn T1**, sinh năm 1989 - Địa chỉ: **Thôn K, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn**. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/10/2023, nộp trực tiếp cùng ngày, bản tự khai, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị **Bàn Thị T** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Bàn Văn T1** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu yêu đương, tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn** vào ngày 17/12/2012. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh từ

khoảng năm 2019. Nguyên nhân là do anh T1 ngoại tình. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình, tổ hòa giải của thôn hòa giải nhưng vẫn tiếp diễn. Vì vậy, chị đã bỏ đi làm công nhân ở xa nhà. Vợ chồng chị ly thân từ năm đầu năm 2023 đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T1 nữa, chị kiên quyết xin được ly hôn với anh Bàn Văn T1.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 con chung tên Bàn Văn T2, sinh ngày 05/12/2012 và Bàn Hữu T3, sinh ngày 25/9/2014. Các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Ly hôn, chị có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi cả 02 con đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do anh T1 không có mặt tại địa phương nơi cư trú, có thái độ không hợp tác trong thời điểm giải quyết vụ án (mẹ anh T1 là bà Chu Thị T4 đã thông báo cho anh biết về yêu cầu xin ly hôn của chị T nhưng anh không về giải quyết), nên Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng có liên quan trong vụ án theo quy định của pháp luật.

Biên bản xác minh ngày 22/12/2023 đối với bà Chu Thị T4 - Địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (Là mẹ đẻ của anh T1) xác nhận: Bà đã nhận được các giấy triệu tập của Tòa án về việc triệu tập Bàn Văn T1, bà đã báo cho anh T1 biết nhưng anh T1 không về giải quyết. Quá trình sinh sống tại địa phương, vợ chồng chị T, anh T1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mặc dù đã được hai bên gia đình, chính quyền thôn hòa giải nhưng mâu thuẫn vẫn tiếp diễn. Sau mỗi lần mâu thuẫn, chị T thường xuyên bỏ đi khỏi nhà.

Chính quyền thôn K, xã B xác nhận, quá trình chung sống tại địa phương, vợ chồng chị T, anh T1 có xảy ra mâu thuẫn nhiều lần. Tổ hòa giải thôn có được mời đến nhà chị T, anh T1 để hòa giải. Nguyên nhân mâu thuẫn chị T cho rằng anh T1 nghiện ma túy, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Quá trình hòa giải, anh T1 hứa sẽ bỏ ma túy, vợ chồng chung sống một thời gian. Tuy nhiên, sau đó hai vợ chồng lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, chị T bỏ đi khỏi địa phương, anh T1 có người phụ nữ khác đến nhà chung sống nhưng sau đó cả hai đã đi khỏi địa phương.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

*** Về việc tuân theo pháp luật TTDS:**

- Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 48, 203, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Đối với bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

* **Về nội dung vụ án:** Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị **Bàn Thị T** về việc ly hôn với anh **Bàn Văn T1**.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu **Bàn Văn T2**, sinh ngày 05/12/2012 và **Bàn Hữu T3**, sinh ngày 25/9/2014 cho chị **Bàn Thị T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cả 02 cháu đủ 18 tuổi. Anh **T1** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **Bàn Thị T** không có yêu cầu nên không đề nghị HĐXX xem xét.

- Về tài chung, nợ chung: Không xem xét do đương sự không có yêu cầu.

- Về án phí: Chị **Bàn Thị T** phải chịu các khoản án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị **T** khởi kiện anh **T1** yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại **thôn K, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 21/02/2024 và ngày 14/3/2024 nhưng đều vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **T** và anh **T1** chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23/2012, ngày 17/12/2012 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị **T** xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh cách đây từ nhiều năm. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh **T1** thường xuyên uống rượu, chơi cờ bạc, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Đến năm 2019, anh **T1** có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh **T1** không nghe. Vì những lý do trên, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, có vài lần đánh nhau. Có lần gia đình đã mời tổ hòa giải thôn đến giải quyết. Gần đây nhất là vào tháng 9 năm 2023, chị đi làm công nhân xa nhà, anh **T1** có đưa 01 người phụ nữ khác về nhà chung sống. Khi về đến nhà chị **T** bắt gặp, chị có hỏi anh **T1** nhưng anh **T1** không trả lời. Vì vậy, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, đời sống chung không thể hòa hợp, chị kiên quyết xin được ly hôn với anh **T1**.

Chị **T** xác định quan hệ hôn nhân của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và hiện cả hai đều không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Anh **T1** đã được Tòa án triệu tập làm việc và tham gia hòa giải nhưng đều vắng mặt; không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Bên cạnh đó, từ khi phát sinh mâu thuẫn đến nay, cả hai bên không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh, trước khi Tòa án thụ lý vụ án, mâu thuẫn xảy ra nhiều lần, có lần đã được tổ hòa giải thôn tổ chức hòa giải nhưng sự việc vẫn tiếp diễn, điều này phù hợp với lời khai của nguyên đơn, người làm chứng. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị **T** và anh **T1** đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị **T** yêu cầu được ly hôn với anh **T1** là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên **Bàn Văn T2**, sinh ngày 05/12/2012 và **Bàn Hữu T3**, sinh ngày 25/9/2014. Các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Chị **T** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cả hai cháu. Hiện nay các cháu đều học bán trú, sinh hoạt tại trường học và có điều kiện sinh hoạt, học tập tốt. Chị **T** có việc làm, thu nhập ổn định. Quá trình giải quyết vụ án, anh **T1** không đưa ra ý kiến yêu cầu của mình về việc nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cả hai cháu cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **T** không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Bàn Thị T** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Bàn Thị T** đối với anh **Bàn Văn T1** về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Bàn Thị T** được ly hôn với anh **Bàn Văn T1**.

1.2. Về con chung: Giao 02 cháu **Bàn Văn T2**, sinh ngày 05/12/2012 và **Bàn Hữu T3**, sinh ngày 25/9/2014 cho chị **Bàn Thị T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Bàn Thị T** không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích về mọi mặt của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con chung và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

1.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Bàn Thị T** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Chị **T** đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000424 ngày 25/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận chị **Bàn Thị T** đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Ngân Sơn;
- Chi cục THADS huyện Ngân Sơn;

- UBND xã Bằng Vân;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Út Lê